



qì chē
汽车

Noun · car

Example Sentences

qì chē zài lù shàng pāo máo le
汽车在路上抛锚了。

The car broke down on the road.

tā mǎi le yí liàng xīn de qì chē
他买了一辆新的汽车。

He bought a new car.

qì chē zài yǔ zhōng shī kòng le
汽车在雨中失控了。

The car went out of control in the rain.

Trace each character, then write the word on your own.

汽	汽	汽	汽	汽	汽	汽	汽	汽	汽
车	车	车	车	车	车	车			